

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST

Ngày 16/9/2017

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Đoàn Kiều Trung**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Bùi Quốc Thìn**

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: **Bà Đặng Thị Thúy Hoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: **Ông Lương Văn Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2017/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2017/QĐXXST – HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trang Thị D, sinh năm 1991;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Mỹ L, xã Bình M, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: thôn Ngọc T, xã Bình C, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Thới Văn T, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: thôn Mỹ L, xã Bình M, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi.

Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 02/8/2017, lời trình bày tại bản tự khai, các buổi hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Thới Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 7 năm 2011 tại UBND xã Bình M, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không chịu khó làm ăn, hay uống

ruợu, thiếu trách nhiệm với gia đình vợ con. Chị đã góp ý nhưng anh không nghe mà còn đánh đập và đuổi chị ra khỏi nhà, chị đi từ tháng 9 năm 2016 đến nay. Khi đi chị không mang theo con nhưng mấy ngày sau chị quay lại đón con nhưng anh T và cha mẹ chồng không chị gặp con và không cho đưa con đi. Do vậy chị phải về nhà mẹ đẻ chị ở xã Bình C ở mãi đến nay. Trong thời gian qua, anh T đi làm ăn xa gửi con cho cha mẹ nuôi dưỡng giúp, chị có đến nhà cha mẹ chồng xin phép cha mẹ đưa con về nuôi nhưng cha mẹ anh T không cho. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thới Văn T.

Về con chung: giữa chị và anh T có một con chung tên là Thới Hoàng N, sinh ngày 29/11/2012. Khi ly hôn chị yêu cầu được nhận nuôi con chung, chị không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị yêu cầu nhận nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, vì:

+ Về điều kiện công việc và thu nhập: hiện chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH Dịch vụ Hoa Mai thuộc khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi và chị làm thêm tư vấn bảo hiểm cho Công ty Bảo Việt Nhân Thọ, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng.

+ Về điều kiện chỗ ở: hiện chị đang ở chung nhà với mẹ đẻ chị tại thôn Ngọc T, xã Bình C, huyện Bình S, nhà chỉ có một mình mẹ chị. Sau khi ly hôn chị vẫn tiếp tục ở chung nhà với mẹ và mẹ chị cũng tạo điều kiện về chỗ ở để chị và con sinh sống.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Giữa chị và anh T không có nợ ai và cũng không có ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai, các buổi hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh thống nhất như lời trình bày của chị D về việc anh chị có tự nguyện tìm hiểu trước khi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình M vào ngày 11/7/2011.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do sau khi sinh con, kinh tế khó khăn nên vợ chồng hay cãi nhau, trong lúc vợ chồng xảy ra cãi vã thì chị D yêu cầu ly hôn nhưng anh T không đồng ý. Sau đó chị D xin đi làm bảo hiểm nhân thọ, mỗi lần về nhà đối xử không tốt với anh, giữa vợ chồng nhiều lần xảy ra xung đột. Có lần giữa vợ chồng xảy ra cãi nhau, chị D bỏ nhà đi, anh có tìm khuyên bảo chị quay về nhưng chị không về nên vợ chồng không sống chung với nhau từ tháng 9 năm 2016 mãi đến nay. Nay chị D yêu cầu ly hôn anh thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận giữa anh và chị D có một con chung như chị D trình bày, hiện nay anh đang nuôi dưỡng. Tuy nhiên, vì điều kiện công

việc phải đi làm xa nên anh gửi con cho cha, mẹ anh chăm sóc giúp. Khi ly hôn anh yêu cầu được nhận nuôi con chung, anh không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh thấy bản thân mình hiện nay có đủ điều kiện, chăm sóc nuôi dưỡng con chung, như:

+ Về điều kiện công việc và thu nhập: Trước đây anh làm ngành cơ khí, làm tự do lưu động, chỗ nào có việc thì đến nhận làm. Hiện nay anh T đang làm tại Công ty TNHH SX Nhà thép và Cầu trục SC đóng tại thành phố Hồ chí Minh, thu nhập mỗi tháng là 9.000.000 đồng.

+ Về điều kiện chỗ ở: Hiện anh và con đang ở chung nhà với cha, mẹ đẻ anh tại thôn Mỹ L, xã Bình M, huyện Bình S, nhà cha mẹ anh rộng rãi, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Giữa anh và chị D không có nợ ai và cũng không có ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bị đơn không trình bày gì thêm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình tố tụng: Tòa án, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh T;

+ Về quan hệ con chung: Xét thấy giữa chị D và anh T đều có yêu cầu được nhận nuôi con chung, cháu Thới Hoàng N hiện nay đang ở với anh T nhưng anh không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng mà giao cho cha mẹ anh nuôi dưỡng. Trong khi đó, cháu N hiện nay còn nhỏ, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị D nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu nên không xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xét.

- Kiến nghị: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trang Thị D và anh Thới Văn T là hợp pháp, có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình M, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 11 tháng 7 năm 2011. Trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, chị D và anh T đều thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, không tự khắc phục được, hôn nhân không có hạnh phúc và anh chị thuận tình ly hôn.

Xét thấy dù Tòa đã tiến hành hòa giải khuyên các bên đoàn tụ nhưng quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T không còn khả năng đoàn tụ, mâu

thuần giữa vợ chồng xảy ra trong thời gian dài, hiện giữa anh chị không còn sống chung, hôn nhân không có hạnh phúc nên các bên thuận tình ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, việc thuận tình ly hôn giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Chị D và anh T xác định giữa anh chị có một con chung là cháu Thới Hoàng N, sinh ngày 29/11/2012, hiện nay cháu N đang ở với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, cả hai bên đều có yêu cầu được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vì cho rằng bản thân mình có đủ điều kiện, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con chung chưa thành niên cho cha hoặc cho mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con chung cũng như các điều kiện để đảm bảo cho việc phát triển của con. Mặc dù cả hai bên đều có yêu cầu được nhận nuôi con chung nhưng xét thấy anh T thừa nhận anh đi làm ăn xa, không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà giao cho cha mẹ anh nuôi dưỡng. Mặt khác, bản thân chị D cũng đã nhiều lần đến thăm con, đón cháu về chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng gia đình anh T ngăn cản, không cho chị thực hiện quyền của cha mẹ đối với con chung chưa thành niên. Bên cạnh đó, mặc dù anh T và chị D đều có công việc, có thu nhập nhưng xét thấy điều kiện làm việc của chị D gần nhà, thuận lợi cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh T làm công nhân cơ khí làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, không trực tiếp chăm sóc con chung mà giao lại cho cha mẹ anh nuôi dưỡng. Ngoài ra, Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Thới Hoàng N hiện nay còn nhỏ nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ nhiều hơn, mặc dù anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con nhưng xét thấy việc giao con chung cho mẹ nuôi dưỡng sẽ tốt hơn nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh T, cần giao cháu Thới Hoàng N cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

[3] Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trang Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0002313 ngày 15/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trang Thị D, sinh năm 1991 và anh Thới Văn T, sinh năm 1989, đều có nơi cư trú: thôn Mỹ L, xã Bình M, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về quan hệ con chung: Xác định giữa chị Trang Thị D và anh Thới Văn T có một con chung là cháu Thới Hoàng N, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2012, hiện nay đang ở với anh T. Việc giao nuôi con chung như sau:

- Buộc anh Thới Văn T có nghĩa vụ giao lại cháu Thới Hoàng N, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2012 cho chị Trang Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi có lý do chính đáng, nếu các bên không tự thỏa thuận được thì các cá nhân, cơ quan, tổ chức được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc người không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật HN&GD năm 2014 và pháp luật.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét

5. Về quan hệ nợ chung: Chị D và anh T xác định giữa anh chị không có nợ ai và không ai nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

6. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trang Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0002313 ngày 15/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn..

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/9/2017).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình S;
- UBND xã Bình M, huyện Bình S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung

